

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24 /GP-NHNN

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2021

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2017, Thông tư số 17/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2018, Thông tư số 28/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 11 năm 2018, Thông tư số 25/2019/TT-NHNN ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40/2011/TT-NHNN;

Xét đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại các văn bản số 7403/NHNo-PC ngày 24/9/2020, số 10041/NHNo-PC ngày 10/12/2020, số 1833/NHNo-PC ngày 03/3/2021 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi Quyết định thành lập số 280/QĐ-NH5 ngày 15/10/1996 cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam như sau:

1. Tên ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Bank For Agriculture And Rural Development;

- Tên viết tắt: Agribank.

2. Địa chỉ trụ sở chính: số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điều 2. Vốn điều lệ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 34.209.923.001.584 đồng (bằng chữ: Ba mươi bốn nghìn hai trăm linh chín tỷ chín trăm hai mươi ba triệu không trăm lẻ một nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 99 năm kể từ ngày 15/10/1996.

Điều 4. Nội dung hoạt động:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước;

3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:

a) Cung ứng phương tiện thanh toán;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.

5. Mở tài khoản:

a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.

12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

17. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

18. Lưu ký chứng khoán.

19. Kinh doanh mua, bán vàng miếng.

20. Mua nợ.

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định thành lập số 280/QĐ-NH5 ngày 15/10/1996 kèm các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 280/QĐ-NH5, gồm:

- Quyết định số 2006/QĐ-NHNN ngày 02/10/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

- Quyết định số 1522/QĐ-NHNN ngày 28/7/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động "Hoạt động mua nợ" tại Quyết định thành lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;

- Quyết định số 2238/QĐ-NHNN ngày 25/10/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động "Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định" tại Quyết định thành lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;

- Quyết định số 256/QĐ-NHNN ngày 08/02/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động "Lưu ký chứng khoán" tại Quyết định thành lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Điều 7. Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; một (01) bản để đăng ký kinh doanh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một (01) bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Hà Nội, một (01) bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam)./

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Ban Lãnh đạo NHNN (để báo);
- UBND TP. Hà Nội;
- Bộ Công an (Cục An ninh kinh tế); (để phê);
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Lưu: VP, TTGSNH (3 bản).

**KT.THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



CHỮNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 6332 Quyển số 5 BCT/85

Ngày: 11-01-2001

Đoàn Thái Sơn



**CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đức Khánh**